

Bản án số: 89A/2025/DS-ST

Ngày: 26/9/2025

v/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh, là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2025/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2025/QĐXXST-DS ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T2 (S); Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà G, số E L, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Olena K, chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn T (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Bị đơn: Ông Lê Phương K1, sinh năm: 1988; Địa chỉ: G C, tổ E, phường H, quận C, TP Đà Nẵng nay là tổ 58 HA, phường A, TP.Đà Nẵng (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 (S), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn T trình bày:*

Ngày 05/06/2021 ông Lê Phương K1 có ký “Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng” số 112106072976932 với Công ty T2 (S) vay số tiền 52.750.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng theo hình thức trả góp hằng tháng với lãi suất 3,83%/tháng (tương đương với lãi suất 46%/năm). Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông K1 có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 18 tháng, mỗi tháng ông K1 phải thanh toán cho S số tiền 4.125.000 đồng vào trước hoặc đúng ngày 9 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Tuy nhiên, sau khi S giải ngân và ông K1 đã nhận đủ số tiền để vay tiêu dùng cá nhân. Từ ngày 07/01/2022 đến nay, ông K1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ

thanh toán theo hợp đồng tín dụng trên và cố tình lẩn tránh, mặc dù S đã nhiều lần yêu cầu ông K1 thanh toán.

Việc ông K1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp đồng tín dụng số 112106072976932 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết, đồng thời cũng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của S.

Sau khi giải ngân số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 112106072976932 với số tiền 52.750.000 đồng, ông Lê Phương K1 đã không thanh toán cho S theo như thỏa thuận nên ông K1 phải chịu lãi quá hạn và các khoản lãi khác do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như hợp đồng:

- Theo đó, số tiền gốc còn lại mà ông Lê Phương K1 cần phải thanh toán cho S tính đến ngày 26/9/2025 tổng cộng số tiền là: 137,247,005 đồng (Trong đó gốc: 38,980,850 đồng, lãi trong hạn: 8,178,027 đồng, lãi quá hạn: 90,088,127 đồng)

- Yêu cầu ông Lê Phương K1 phải tiếp tục thanh toán cho S tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 112106072976932.

Ông Lê Phương K1 đã được triệu tập nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn Công ty T2 (S) yêu cầu bị đơn ông Lê Phương K1 trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng ngày 05/6/2021 với mục đích vay là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại G C, tổ E, phường H, quận C, TP Đà Nẵng nay là tổ 58 HA, phường A, TP.Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Công ty T2 Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2 (S) và ông Lê Phương K1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

[3] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Phương K1.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp như: Hợp đồng tín dụng số 112106072976932, HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 05/6/2021, giữa ông K1 và Công ty T2 Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2 (S) có ký kết hợp đồng tín dụng số 112106072976932. Theo đó Ngân hàng cho ông K1 vay với số tiền là 52.750.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[4.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tuy nhiên tại bản tự khai, nguyên đơn yêu cầu ông Lê Phương K1 thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 137,247,005 đồng, trong đó dư nợ gốc: 38.980.850 đồng, lãi trong hạn: 8.178.027 đồng, lãi quá hạn: 90,088,127 đồng (nợ lãi tính đến ngày 26/9/2025 và ông K1 phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng. HĐXX xét thấy: Từ ngày 07/1/2022, ông K1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và để nợ quá hạn nên Ngân hàng đã chấm dứt hợp đồng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản nhắc nợ và làm việc để tạo điều kiện trả nợ nhưng ông Lê Phương K1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Như vậy, ông K1 đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2 (S) đối với ông K1 là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/6/2021 phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Phương K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 137,247,005 \text{ đồng} = 6.862.350 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Công ty T2 (S) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản T1 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2 (S) về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Lê Phương K1.

2. Buộc ông Lê Phương K1 phải trả cho Công ty T2 Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2 (S) số tiền 137,247,005 đồng, trong đó dư nợ gốc: 38.980.850 đồng, lãi trong hạn: 8.178.027 đồng, lãi quá hạn: 90,088,127 đồng (nợ lãi tính đến ngày 26/9/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/9/2025 ông K1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Phương K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.862.350 đồng.

Hoàn trả cho Công ty T2 (S) số tiền tạm ứng án phí 2.955.735đ (Hai triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0009713 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng THADS kv 3 - Đà Nẵng;
- VKSND kv 3 – Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Nhớ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

